TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Tân Dân.

Ông Dương Vương Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Thanh N, sinh năm 1990 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Diễm H, sinh năm 1993 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn nguyên đơn anh Trần Thanh N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh N và chị Huỳnh Thị Diễm H đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2014. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về cách sống, tình cảm phai nhạt. Anh chị đã sống ly thân lại thường xuyên cự cãi, nhận thấy cuộc sống không phù hợp nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh N và chị H có 02 con chung là cháu Trần Huỳnh Tấn K, sinh ngày 06/7/2016 và cháu Trần Huỳnh Như Y, sinh ngày 22/3/2021. Anh N giao cháu K và cháu Y cho chị H nuôi dưỡng, anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Anh N sẽ tự thoả thuận với chị H, chưa yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh N không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Diễm H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn chị H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N. Về con chung: Giao cháu K và cháu Y cho chị H nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh N về việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trần Thanh N yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Thị Diễm H và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị H có nơi cư trú tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn anh Trần Thanh N có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn chị Huỳnh Thị Diễm H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ

vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị H.

[3] Về hôn nhân: Anh N và chị H chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 04/12/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh N trình bày giữa chị và chị H xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được nên anh N yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ, Tòa án triệu tập chị H để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng chị H đều vắng mặt. Điều đó cho thấy chị H không phản đối yêu cầu của anh N, không có thiện chí và nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa chị H và anh N không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh N và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh N và chị H có 02 con chung là Trần Huỳnh Tấn K, sinh ngày 06/7/2016 và cháu Trần Huỳnh Như Y, sinh ngày 22/3/2021. Hiện tại hai cháu đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, anh N đồng ý giao cả hai cháu cho chị H nuôi dưỡng. Chị H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, chưa thể hiện ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, để không thay đổi môi trường sống, tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu nên cần thiết giao các cháu cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N được quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù chị H chưa thể hiện yêu cầu nhưng anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy anh N là người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, việc anh N tự nguyện thực hiện cấp dưỡng và mức cấp dưỡng của anh N đưa ra là phù hợp với quy định tại các điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a

khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh N, anh N được ly hôn với chị Huỳnh Thị Diễm H.

2. Về con chung: Giao Trần Huỳnh Tấn K, sinh ngày 06/7/2016 và cháu Trần Huỳnh Như Y, sinh ngày 22/3/2021 cho chị Huỳnh Thị Diễm H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Thanh N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Thanh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K và cháu Y hàng tháng. Mức cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*. Bắt đầu thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K, cháu Y đủ 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Anh Trần Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008492 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên anh N còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Chị Huỳnh Thị Diễm H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh N, chị H vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã Phú Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm